

Số: 02./2026/CBTT-PTM

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi : Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ ô tô PTM thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Quý 4/2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM

Mã chứng khoán: PTM

Địa chỉ: Số 256 Đường Kim Giang, Phường Định Công, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: +84(24)38552550

Fax: +84(24)38552551

Email: ptmgroup@mghaxaco.com.vn

Website: <https://otoptm.com.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC Quý 4 năm 2025

☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được soát xét/được kiểm toán):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025)

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại?

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không



Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 22./01./2026 tại đường dẫn <https://otoptm.com.vn/>.

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2025

Công ty không phát sinh các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2025
Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch:.....
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp(%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất);.....
- Ngày hoàn thành giao dịch:

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính Quý IV.2025;
- Giải trình chênh lệch số liệu .

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY**



TRẦN VĂN MỸ



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**

Địa chỉ: 256 Đường Kim Giang, P. Định Công, TP. Hà Nội



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ 4 NĂM 2025**

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	01 - 02
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	03
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	04
4. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	05 – 23

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31/12/2025	Ngày 31/12/2024
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		425.829.919.636	434.679.566.513
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	23.237.358.760	157.425.399.323
111	1. Tiền		23.237.358.760	47.425.399.323
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	110.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	V.2	2.500.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.500.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		83.016.287.478	134.030.118.149
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	63.192.533.007	12.330.527.492
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	5.802.659.692	74.838.664.364
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5a	14.354.747.259	47.194.578.773
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(333.652.480)	(333.652.480)
140	IV. Hàng tồn kho	V.7	297.794.384.790	128.140.234.135
141	1. Hàng tồn kho		299.200.044.697	129.545.894.042
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(1.405.659.907)	(1.405.659.907)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		19.281.888.608	15.083.814.906
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8a	4.106.149.540	7.377.506.108
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	V.14	15.173.965.307	7.706.308.798
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.14	1.773.761	
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		243.073.796.933	141.170.692.669
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		2.531.000.000	2.302.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	V.5b	2.531.000.000	2.302.000.000
220	II. Tài sản cố định		137.088.960.239	122.195.754.947
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	110.628.757.439	122.181.014.947
222	- Nguyên giá		159.555.980.308	158.295.360.961
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(48.927.222.869)	(36.114.346.014)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.10	26.460.202.800	14.740.000
228	- Nguyên giá		26.548.362.800	88.160.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(88.160.000)	(73.420.000)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		30.410.766.400	609.329.476
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		30.410.766.400	609.329.476
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		73.043.070.294	16.063.608.246
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.8b	14.676.741.087	16.063.608.246
269	3. Lợi thế thương mại	V.11	58.366.329.207	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		668.903.716.569	575.850.259.182

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM

Địa chỉ: 256 Đường Kim Giang, Phường Định Công, Tp Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT) (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31/12/2025	Ngày 31/12/2024
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		198.479.846.257	109.390.908.343
310	I. Nợ ngắn hạn		198.479.846.257	109.390.908.343
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	31.066.393.583	21.656.298.959
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.13	6.771.918.591	17.398.116.809
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	10.687.042.059	33.196.578.117
314	4. Phải trả người lao động		5.846.607.924	8.222.966.072
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		1.006.810.116	558.901.224
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.16	921.364.638	2.357.749.402
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.15	142.179.709.346	26.000.297.760
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		470.423.870.312	466.459.350.839
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.17	470.423.870.312	466.459.350.839
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		320.000.000.000	320.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		320.000.000.000	320.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		20.000.000	20.000.000
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		122.922.480	122.922.480
421	2 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		150.211.355.341	146.316.428.359
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		114.319.709.537	18.168.587.403
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		35.891.645.804	128.147.840.956
429	3 Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		69.592.491	
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		668.903.716.569	575.850.259.182

Người lập biểu



PHẠM THỊ DUYÊN

Kế toán trưởng



LÊ THỊ HUYỀN

Tổng giám đốc

TP. Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026



TRẦN VĂN MỸ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM

Địa chỉ: 256 Đường Kim Giang, Phường Định Công, Tp Hà Nội

KẾT QUẢ KINH DOANH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ KINH DOANH (HỢP NHẤT)
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

DVT: VND

Mã số	STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ báo cáo		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	
				Quý 4 năm nay	Quý 4 năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	5	6
01	1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	315.858.986.630	542.883.050.871	1.304.025.137.336	1.414.571.804.514
02	2.	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-
10	3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		315.858.986.630	542.883.050.871	1.304.025.137.336	1.414.571.804.514
11	4.	Giá vốn hàng bán	VI.2	291.555.861.525	455.604.050.686	1.137.289.589.977	1.160.105.606.747
20	5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		24.303.125.105	87.279.000.185	166.735.547.359	254.466.197.767
21	6.	Doanh thu hoạt động tài chính		8.471.283	198.611.531	568.857.586	232.183.926
22	7.	Chi phí tài chính	VI.3	2.361.391.747	1.561.866.869	8.708.670.709	4.946.880.616
23		- Trong đó: Chi phí lãi vay		2.361.391.747	1.561.866.869	8.708.670.709	4.946.880.616
25	9.	Chi phí bán hàng	VI.4	21.151.352.624	36.905.593.623	94.184.038.637	80.561.526.115
26	10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	16.595.315.437	16.055.285.733	65.811.916.818	36.681.062.427
30	11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(15.796.463.420)	32.954.865.491	(1.400.221.219)	132.508.912.535
31	12.	Thu nhập khác		18.834.173.872	11.387.001.109	47.130.017.320	27.932.908.427
32	13.	Chi phí khác		335.110.485	(569.883.634)	437.493.690	62.854.953
40	14.	Lợi nhuận khác		18.499.063.387	11.956.884.743	46.692.523.630	27.870.053.474
50	15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.702.599.967	44.911.750.234	45.292.302.411	160.378.966.009
51	16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.14	588.322.028	9.067.177.157	9.393.305.507	32.231.125.053
52	17.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-	-	-
60	18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		2.114.277.939	35.844.573.077	35.898.996.904	128.147.840.956
61	19.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		2.110.208.017	35.844.573.077	35.894.926.982	128.147.840.956
62	20.	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		4.069.922	-	4.069.922	-
70	21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.6	66	1.272	1.122	9.274
71	22.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.7	66	1.272	1.122	9.274

Người lập biểu



PHẠM THỊ DUYÊN

Kế toán trưởng

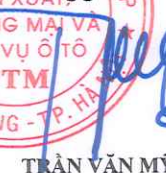


LÊ THỊ HUYỀN



Tp. Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

Tổng giám đốc


TRẦN VĂN MỸ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM

Địa chỉ: 256 Đường Kim Giang, Phường Định Công, Tp Hà Nội

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (HỢP NHẤT)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1.	Lợi nhuận trước thuế	01	45.292.302.411	160.378.966.009
2.	Điều chỉnh cho các khoản		27.485.139.580	16.493.571.140
	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	23.738.221.411	12.836.853.385
	- Các khoản dự phòng	03	-	(51.822.135)
	- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.961.752.540)	(1.238.340.726)
	- Chi phí lãi vay	06	8.708.670.709	4.946.880.616
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	72.777.441.991	176.872.537.149
	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	42.904.592.453	(85.883.962.767)
	- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(169.588.628.086)	(69.553.703.544)
	- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(3.234.713.102)	(27.873.102.580)
	- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(53.963.285.494)	(18.131.109.471)
	- Tiền lãi vay đã trả	13	(8.708.670.709)	(4.946.880.616)
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(32.270.189.772)	(2.386.458.270)
	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(152.083.452.719)	(31.902.680.099)
II.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(136.456.782.226)	(100.880.718.588)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	72.065.045.452	26.348.709.091
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.500.000.000)	-
4.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	568.627.344	232.183.926
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(66.323.109.430)	(74.299.825.571)
III.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	278.000.000.000
2.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	755.696.061.266	803.881.224.552
3.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(639.516.649.680)	(826.062.792.392)
4.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(31.960.890.000)	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	84.218.521.586	255.818.432.160
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(134.188.040.563)	149.615.926.490
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	157.425.399.323	7.809.472.833
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	23.237.358.760	157.425.399.323

Người lập biểu

PHẠM THỊ DUYÊN

Kế toán trưởng

LÊ THỊ HUYỀN

TP. Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2025

Tổng giám đốc

TRẦN VĂN MỸ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM và 01 công ty con (sau đây gọi là “Tập đoàn”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn là kinh doanh và sửa chữa ô tô.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng ô tô và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động liên quan đến đấu giá)
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; (Trừ Đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng, thuộc Phụ lục I, Mục A.7 Nghị định 31/2021/NĐ-CP)
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo hợp đồng; kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm; Chi tiết: Hoạt động đại lý bảo hiểm
- Cho thuê xe có động cơ

4. Chu kỳ năm sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ năm sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng

5. Các công ty con được hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM

Địa chỉ: 256 Kim Giang, P. Định Công, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Hợp nhất)

Tổng số công ty con: 01 công ty

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ quyền biểu quyết		Tỷ lệ lợi ích	
			Tại ngày 01/01/2025	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025	Tại ngày 31/12/2025
01	Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Đất Việt	Số nhà 97 Đường Ngô Quyền, Phường Lê Thanh Nghị, TP Hải Phòng, Việt Nam	0%	99,33%	0%	99,33%	0%	99,33%

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán tập đoàn có 474 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 585 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này là Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính (Hợp nhất)**

Các báo cáo tài chính (hợp nhất) bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty mẹ.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính (hợp nhất), trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh (hợp nhất) và bảng cân đối kế toán (hợp nhất).

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM

Địa chỉ: 256 Kim Giang, P. Định Công, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Hợp nhất)

Các công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát các công ty con đó. Trong trường hợp Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì các báo cáo tài chính (hợp nhất) sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính (hợp nhất) của Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ kế toán. Báo cáo tài chính của các công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được ghi nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữ vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập báo cáo tài chính (hợp nhất) thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM

Địa chỉ: 256 Kim Giang, P. Định Công, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Hợp nhất)

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hoá: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang: toàn bộ là chi phí của việc sửa chữa xe chưa hoàn thành.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh (đối với xe ô tô), bình quân gia quyền (đối với các loại hàng hóa khác) và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 20
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định khác	10

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 - 06 năm.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ và các công ty con cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán xe ô tô

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ sửa chữa

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ sửa chữa được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê xe, địa điểm kinh doanh

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ cho thuê xe, địa điểm kinh doanh được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được

13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

14. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Tập đoàn.

16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Thuế giá trị gia tăng: theo phương pháp khấu trừ.

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% (hai mươi phần trăm) lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là khoản thuế thu nhập DN hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM

Địa chỉ: 256 Kim Giang, P. Định Công, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Hợp nhất)

toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế TNDN hiện hành đơn vị áp dụng là 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM

Địa chỉ: 256 Kim Giang, P. Định Công, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Hợp nhất)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT) (ĐƠN VỊ TÍNH: VNĐ)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Ngày 31/12/2025</u>	<u>Ngày 31/12/2024</u>
- Tiền mặt	2.293.233.057	6.863.847.488
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.944.125.703	40.561.551.835
- Các khoản tương đương tiền		110.000.000.000
Cộng	<u>23.237.358.760</u>	<u>157.425.399.323</u>

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>Ngày 31/12/2025</u>	<u>Ngày 31/12/2024</u>
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.500.000.000	-
Cộng	<u>2.500.000.000</u>	<u>-</u>

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Ngày 31/12/2025</u>	<u>Ngày 31/12/2024</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	63.192.533.007	12.330.527.492
Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Tương Lai Việt	27.723.976.345	-
Khách hàng khác	35.468.556.662	12.330.527.492
Cộng	<u>63.192.533.007</u>	<u>12.330.527.492</u>

4. Trả trước cho người bán

	<u>Ngày 31/12/2025</u>	<u>Ngày 31/12/2024</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho các tổ chức và cá nhân khác</i>	5.802.659.692	74.838.664.364
Công ty Cổ phần Xây lắp điện công trình Thăng Long	5.001.000.001	26.456.345.601
Đối tượng khác	801.659.691	48.382.318.763
Cộng	<u>5.802.659.692</u>	<u>74.838.664.364</u>

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

Chủ yếu là khoản tiền thưởng theo chính sách bán hàng của Công ty TNHH Saic Motor Việt Nam.

5b. Phải thu dài hạn khác

	<u>Ngày 31/12/2025</u>	<u>Ngày 31/12/2024</u>
<i>Phải thu dài hạn khác các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu dài hạn khác</i>	2.531.000.000	2.302.000.000
- Công ty CP đầu tư và phát triển TDP	1.040.000.000	1.040.000.000
- Các nhà cung cấp khác	1.491.000.000	1.262.000.000
Cộng	<u>2.531.000.000</u>	<u>2.302.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM

Địa chỉ: 256 Kim Giang, P. Định Công, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Hợp nhất)

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Ngày 31/12/2025			Ngày 31/12/2024		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi ^(*)	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi ^(*)
Các bên liên quan		-	-		-	-
Các tổ chức và cá nhân khác		333.652.480	-		333.652.480	-
- Công ty XNK Vật tư Kỹ thuật	Trên 3 năm	68.800.000	-	Trên 3 năm	68.800.000	-
- Hợp doanh DMC – FER	Trên 3 năm	53.650.000	-	Trên 3 năm	53.650.000	-
- Công ty CP SX và Chuyển giao Công nghệ Việt Nam TBI	Trên 3 năm	41.987.000	-	Trên 3 năm	41.987.000	-
- Các đối tượng khác	Trên 3 năm	169.215.480	-	Trên 3 năm	169.215.480	-
Cộng		333.652.480	-		333.652.480	-

^(*) Giá trị có thể thu hồi bằng giá gốc trừ số nợ phải thu đã lập dự phòng.**7. Hàng tồn kho**

	Ngày 31/12/2025		Ngày 31/12/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi đường	21.592.500			
- Nguyên liệu, vật liệu	7.708.684.750	(1.405.659.907)	3.688.991.886	(1.405.659.907)
- Công cụ, dụng cụ	311.102.397	-	343.994.681	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.421.888.056	-	520.067.148	-
- Hàng hóa	289.736.776.994	-	124.992.840.327	-
Cộng	299.200.044.697	(1.405.659.907)	129.545.894.042	(1.405.659.907)

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Ngày 31/12/2025	Ngày 31/12/2024
- Công cụ, dụng cụ đang sử dụng	881.800.786	2.004.920.456
- Phí bảo hiểm cháy nổ	159.629.165	135.434.040
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.064.719.589	5.237.151.612
Cộng	4.106.149.540	7.377.506.108

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Ngày 31/12/2025	Ngày 31/12/2024
- Chi phí sửa chữa văn phòng	6.244.642.952	6.966.522.938
- Công cụ, dụng cụ đang sử dụng	6.435.486.533	4.399.131.224
- Chi phí trả trước dài hạn khác	1.996.611.602	4.697.954.084
Cộng	14.676.741.087	16.063.608.246

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM

Địa chỉ: 256 Kim Giang, P. Định Công, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Hợp nhất)

9. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết xem Phụ lục số 01 – Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình.

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Phần mềm quản lý	Cộng
Nguyên giá			
Ngày 31/12/2024	-	88.160.000	88.160.000
Tăng trong kỳ	26.460.202.800	-	26.460.202.800
Giảm trong kỳ	-	-	-
Ngày 31/12/2025	<u>26.460.202.800</u>	<u>88.160.000</u>	<u>26.548.362.800</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Ngày 31/12/2024	-	73.420.000	73.420.000
Tăng trong kỳ	-	14.740.000	14.740.000
Giảm trong kỳ	-	-	-
Ngày 31/12/2025	<u>-</u>	<u>88.160.000</u>	<u>88.160.000</u>
Giá trị còn lại			
Ngày 31/12/2024	<u>-</u>	<u>14.740.000</u>	<u>14.740.000</u>
Ngày 31/12/2025	<u>26.460.202.800</u>	<u>-</u>	<u>26.460.202.800</u>

11. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua các công ty con	Ngày 31/12/2024	Tăng trong kỳ	Phân bổ trong kỳ	Ngày 31/12/2025
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Đất Việt	-	58.777.137.155	(410.807.948)	58.366.329.207
Cộng		<u>58.777.137.155</u>	<u>(410.807.948)</u>	<u>58.366.329.207</u>

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Ngày 31/12/2025	Ngày 31/12/2024
Phải trả các bên liên quan	25.779.000.000	-
Công ty cổ phần Cơ khí ô tô Cần Thơ	25.779.000.000	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	5.287.393.583	21.656.298.959
Công ty TNHH Saic Motor Việt Nam	2.364.003.762	15.211.720.004
Khách hàng khác	2.923.389.821	6.444.578.955
Cộng	<u>31.066.393.583</u>	<u>21.656.298.959</u>

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Chủ yếu là tiền khách hàng trả tiền trước để mua xe.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM

Địa chỉ: 256 Kim Giang, P. Định Công, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Hợp nhất)

14. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước

	Ngày 31/12/2025		Ngày 31/12/2024	
	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT phải nộp	916.800.602	-	641.338.247	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.283.736.047	1.773.761	32.160.620.312	-
- Thuế thu nhập cá nhân	486.505.410	-	394.619.558	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	-	-
- Thuế môn bài, thuế khác	-	-	-	-
Cộng	10.687.042.059	1.773.761	33.196.578.117	-

14a. Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

14b. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Doanh nghiệp phải nộp thuế phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	45.292.302.411	160.378.966.009
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	-	-
- Phân bổ LTTM trong kỳ	410.807.948	-
- Điều chỉnh lãi lỗ từ điều chỉnh BTHN	-	-
- Chi phí không được trừ	1.326.058.205	424.135.551
Thu nhập chịu thuế	47.029.168.564	160.803.101.560
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗ của các năm trước chuyển sang	(610.488.331)	-
Thu nhập tính thuế	46.418.680.233	161.099.156.117
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	9.283.736.047	32.160.620.312
Điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước	109.569.460	70.504.741
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	9.393.305.507	32.231.125.053

14c. Các loại thuế khác

Doanh nghiệp kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM

Địa chỉ: 256 Kim Giang, P. Định Công, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Hợp nhất)

15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Ngày 31/12/2025		Ngày 31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	142.179.709.346	142.179.709.346	26.000.297.760	26.000.297.760
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Tây Sài Gòn	59.643.273.856	59.643.273.856	16.954.000.000	16.954.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Dương	17.191.200.000	17.191.200.000	9.046.297.760	9.046.297.760
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Tân Bình	16.287.060.480	16.287.060.480	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Long Biên	18.652.885.440	18.652.885.440	-	-
Ngân hàng TNHH MTV HSBC	30.405.289.570	30.405.289.570	-	-
Cộng	142.179.709.346	142.179.709.346	26.000.297.760	26.000.297.760

Tình hình biến động các khoản vay và nợ ngắn hạn trong năm như sau:

	Ngày 31/12/2024	Tiền vay phát sinh	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Ngày 31/12/2025
Vay ngắn hạn Ngân hàng	26.000.297.760	755.696.061.266	(639.516.649.680)	142.179.709.346
Cộng	26.000.297.760	755.696.061.266	(639.516.649.680)	142.179.709.346

16. Phải trả ngắn hạn khác

	Ngày 31/12/2025	Ngày 31/12/2024
Phải trả ngắn hạn các bên liên quan	-	-
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	921.364.638	2.357.749.402
Công ty TNHH Sài Gòn Boulevard Complex	420.000.000	420.000.000
- Khách hàng khác	501.364.638	1.937.749.402
Cộng	921.364.638	2.357.749.402

17. Vốn chủ sở hữu**17a. Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu**

Xem chi tiết phụ lục số 02

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM

Địa chỉ: 256 Kim Giang, P. Định Công, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Hợp nhất)

17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Ngày 31/12/2025		Ngày 31/12/2024	
	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
- Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	165.179.600.000	51,62	165.179.600.000	51,62
- Các cổ đông khác	154.820.400.000	48,38	154.820.400.000	48,38
Cộng	320.000.000.000	100,00	320.000.000.000	100,00

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	320.000.000.000	320.000.000.000	-
Cộng	320.000.000.000	320.000.000.000	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (HỢP NHẤT) (ĐƠN VỊ TÍNH: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu kinh doanh xe	1.245.530.732.235	1.382.787.307.007
- Doanh thu sửa chữa xe	44.289.095.113	12.251.769.540
- Doanh thu hoạt động khác	14.205.309.988	19.532.727.967
Cộng	1.304.025.137.336	1.414.571.804.514

2. Giá vốn hàng bán

Chủ yếu là giá vốn hoạt động kinh doanh xe và dịch vụ sửa chữa xe.

3. Chi phí tài chính

Toàn bộ là chi phí lãi vay.

4. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên	38.710.007.099	35.294.420.151
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.518.576.267	3.318.943.520
- Chi phí dịch vụ thuê ngoài và chi phí khác	48.955.455.271	41.948.162.444
Cộng	94.184.038.637	80.561.526.115

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên	27.988.271.024	15.384.245.940
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.207.576.661	3.684.219.552
- Lợi thế thương mại	410.807.948	-
- Chi phí dịch vụ thuê ngoài và chi phí khác	26.205.261.185	17.612.596.935
Cộng	65.811.916.818	36.681.062.427

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính(hợp nhất)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM

Địa chỉ: 256 Kim Giang, P. Định Công, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Hợp nhất)

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	35.898.966.904	128.147.840.956
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
+ Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	(4.069.922)	
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	35.894.926.982	128.147.840.956
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	32.000.000	13.817.486
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/CP)	1.122	9.274

7. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	35.898.966.904	128.147.840.956
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
+ Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	(4.069.922)	
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	35.894.926.982	128.147.840.956
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	32.000.000	13.817.486
+ Cổ phiếu dự kiến phát hành thêm trong kỳ		
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (Đồng/CP)	1.122	9.274

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Nợ tiềm tàng**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (Hợp nhất) không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải thanh toán.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và Kế toán trưởng)**

Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt trong kỳ:

	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
- Trần Văn Mỹ	Tổng Giám đốc	1.080.000.000	910.000.000
- Lê Thị Huyền	Kế toán trưởng	720.000.000	240.000.000
- Bùi Thị Thanh Nhân	Kế toán trưởng	-	180.000.000
Cộng		1.800.000.000	1.330.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM

Địa chỉ: 256 Kim Giang, P. Định Công, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Hợp nhất)

Thù lao thành viên Hội đồng quản trị	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
- Vũ Thị Hạnh	Chủ tịch HĐQT	600.000.000	120.000.000
- Đỗ Tiến Dũng	Thành viên	210.000.000	60.000.000
- Trần Văn Mỹ	Thành viên	210.000.000	60.000.000
- Hoàng Đức Hùng	Thành viên	30.000.000	60.000.000
- Vũ Ngọc Diệp Linh	Thành viên	137.692.308	60.000.000
- Nguyễn Thị Thanh Hằng	Thành viên	180.000.000	
- Vũ Thị Mai	Thành viên	72.307.692	
Cộng		1.440.000.000	360.000.000

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Bên liên quan với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	Công ty mẹ
Công ty CP Cơ khí Ô tô Cần Thơ	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty cổ phần ô tô An Thái	Công ty con của Công ty Cổ phần Xe khách và Dịch vụ Miền Tây

Giao dịch với bên liên quan

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần dịch vụ ô tô Hàng Xanh		
- Doanh thu cho thuê xe, cho thuê mặt bằng, sửa chữa xe và khác	1.339.675.310	1.969.446.064
- Doanh thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	3.628.181.818
- Chi phí mua xe, bảo dưỡng, sửa chữa xe, thuê kho và khác	10.304.436.916	24.077.622.657
- Chia cổ tức	16.517.960.000	-
Công ty Cổ phần Cơ khí ô tô Cần Thơ		
- Doanh thu bán xe	22.679.999.991	2.188.731.637
- Doanh thu cho thuê xe, cho thuê mặt bằng, sửa chữa xe và khác	140.228.586	644.490.377
- Chi phí mua xe	39.922.727.263	18.545.454.535
- Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa xe và khác	759.075.746	52.534.000
Công ty cổ phần xe khách và Dịch vụ Miền Tây		
- Doanh thu cho thuê xe, cho thuê mặt bằng, sửa chữa xe và khác	228.857.957	447.097.243
- Doanh thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	395.454.545
- Chi phí mua xe	-	423.636.364
- Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa xe và khác	639.206.041	717.430.480
Công ty cổ phần Ô tô An Thái		
- Doanh thu cho thuê xe, cho thuê mặt bằng, sửa chữa xe và khác	33.600.010	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM

Địa chỉ: 256 Kim Giang, P. Định Công, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Hợp nhất)

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và bên liên quan đã được trình bày ở thuyết minh bên trên, Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Số dư với bên liên quan

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh bên trên

3. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Do vậy, Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được lập dựa trên giả thiết Tập đoàn hoạt động kinh doanh liên tục.

Thành phố Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

Người lập biểu



PHẠM THỊ DUYÊN

Kế toán trưởng



LÊ THỊ HUYỀN

Tổng Giám đốc



TRẦN VĂN MỸ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM

Địa chỉ: 256 Kim Giang, Phường Định Công, TP Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính (Hợp nhất)(tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Ngày 31/12/2024	69.240.660.669	1.047.558.440	86.516.992.511	909.818.454	580.330.887	158.295.360.961
Tăng trong kỳ	51.328.699.651	3.694.167.846	24.776.968.680	969.853.500	340.693.889	81.110.383.566
- Mua trong kỳ	43.709.456.546	3.694.167.846	24.776.968.680	969.853.500	340.693.889	73.491.140.461
- Đầu tư XDCB hoàn thành	5.396.230.400	-	-	-	-	5.396.230.400
- Tăng do hợp nhất	1.818.181.818	-	-	-	-	1.818.181.818
- Tăng do phân loại tài sản	404.830.887	-	-	-	-	404.830.887
Giảm trong kỳ	(24.625.748.669)	(2.322.000.000)	(51.913.963.163)	(583.221.500)	(404.830.887)	(79.849.764.219)
- Thanh lý, nhượng bán	(24.207.837.995)	(2.200.000.000)	(51.913.963.163)	(583.221.500)	-	(78.905.022.658)
- Giảm do phân loại tài sản	(417.910.674)	(122.000.000)	-	-	(404.830.887)	(944.741.561)
Ngày 31/12/2025	95.943.611.651	2.419.726.286	59.379.998.028	1.296.450.454	516.193.889	159.555.980.308
Giá trị hao mòn						
Ngày 31/12/2024	21.050.978.278	660.436.165	14.024.060.213	342.604.879	36.266.479	36.114.346.014
Tăng trong kỳ	14.627.796.637	371.068.711	8.941.452.025	282.062.499	112.838.679	24.335.218.551
- Khấu hao trong kỳ	13.609.810.332	371.068.711	8.936.893.242	282.062.499	112.838.679	23.312.673.463
- Tăng do hợp nhất	1.017.986.305	-	-	-	-	1.017.986.305
- Tăng do phân loại tài sản	-	-	4.558.783	-	-	4.558.783
Giảm trong kỳ	(1.294.524.524)	(1.639.785)	(10.175.955.537)	(50.221.850)	-	(11.522.341.696)
- Thanh lý, nhượng kỳ	(1.262.105.029)	-	(10.175.955.537)	(50.221.850)	-	(11.488.282.416)
- Giảm do phân loại tài sản	(32.419.495)	(1.639.785)	-	-	-	(34.059.280)
Ngày 31/12/2025	34.384.250.391	1.029.865.091	12.789.556.701	574.445.528	149.105.158	48.927.222.869
Giá trị còn lại						
Ngày 31/12/2024	48.189.682.391	387.122.275	72.492.932.298	567.213.575	544.064.408	122.181.014.947
Ngày 31/12/2025	61.559.361.260	1.389.861.195	46.590.441.327	722.004.926	367.088.731	110.628.757.439

Người lập biểu



PHẠM THỊ DUYÊN

Kế toán trưởng



LÊ THỊ HUYỀN

Tổng Giám đốc



TRẦN VĂN MỸ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM

Địa chỉ: 256 Đường Kim Giang, Phường Định Công, Tp Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

PHỤ LỤC SỐ 02: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
A	1	2	4	3	4	5
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2024						
Tại ngày 01/01/2024	42.000.000.000	20.000.000	122.922.480	18.168.587.403	-	60.311.509.883
Tăng trong kỳ	278.000.000.000	-	-	128.147.840.956	-	406.147.840.956
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2024	320.000.000.000	20.000.000	122.922.480	146.316.428.359	-	466.459.350.839
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2025						
Tại ngày 01/01/2025	320.000.000.000	20.000.000	122.922.480	146.316.428.359	-	466.459.350.839
Tăng trong kỳ	-	-	-	35.894.926.982	69.592.491	35.964.519.473
Giảm trong kỳ	-	-	-	(32.000.000.000)	-	(32.000.000.000)
Tại ngày 31/12/2025	320.000.000.000	20.000.000	122.922.480	150.211.355.341	69.592.491	470.423.870.312

Người lập biểu



PHẠM THỊ DUYÊN

Kế toán trưởng



LÊ THỊ HUYỀN

Tp. Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2026

Tổng giám đốc



TRẦN VĂN MỸ